TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 266/2023/HNGĐ-ST Ngày: 26-5-2023 *V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

2. Ông Tạ Công Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Ngọc Ánh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà*:** Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1984 (có mặt)

Trú tại: ấp BT A, xã BTr, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14 tháng 02 năm 2023, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã BTr, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vào năm 2009. Hôn nhân do tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nay xét thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 18/12/2009. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Trọng N, chị L chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ L, cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn M, chị L được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trọng N, anh M chưa cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L chưa có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Trần Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn M là quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh M theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn M tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã BTr, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, số đăng ký 0111, ngày đăng ký ngày 31 tháng 12 năm 2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L và anh M chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn M đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh M là có cơ sở, phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 18/12/2009. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trọng N, chị L chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, Nguyễn Trọng N có nguyện vọng được sống chung với chị L. Do đó, để ổn định cuộc sống cho Nguyễn Trọng N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, để chị L được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trọng N, anh M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Mỹ L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Văn M

Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 18/12/2009. Giao con chung tên Nguyễn Trọng N cho chị Trần Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn M chưa cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L chưa có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021440 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên chị Trần Thị Mỹ L đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Châu Thành, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã BTr, H. CT, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Kim Hằng